

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 29.09/KLQB ngày 29 tháng 09 năm 2025 và số 11.11/KLQB ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Công ty TNHH Kim Liên Quảng Bình và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 938/TTr-SNNMT ngày 25 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Kim Liên Quảng Bình, địa chỉ tại Tổ dân phố Diêm Hải, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Showroom trưng bày và mua bán ô tô cấp I với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Showroom trưng bày và mua bán ô tô cấp I

1.2. Địa điểm hoạt động: tổ dân phố Diêm Hải, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 3100383739 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/09/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22/07/2025.

1.4. Mã số thuế: 3100383739

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thương mại, dịch vụ

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích: 3.471,6 m².

- Dự án đầu tư có tiêu chí môi trường như dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô:

+ Sản lượng xe bán ra: 500 xe/năm.

+ Lượt xe bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa: 1.500 xe/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Kim Liên Quảng Bình:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Kim Liên Quảng Bình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo

quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- Sở Xây dựng;
- UBND phường Đồng Hới;
- Công ty TNHH Kim Liên Quảng Bình;
- VPUB: CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *TC*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số **248** /GPMT-UBND
 ngày **31** tháng **12** năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động tại khu rửa xe và vệ sinh sàn nhà xưởng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước mưa đường Điện Biên Phủ tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí điểm xả nước thải: hố ga thoát nước mưa trên tuyến đường Điện Biên Phủ, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m): 1929884,09; Y(m): 566563,49 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106^0 múi chiều 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $17,1 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung tự chảy vào hố ga thoát nước mưa trên tuyến đường Điện Biên Phủ, sau đó, chảy về nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Nhật Lệ theo phương thức tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Bảng 1, Bảng 2, cột B, $F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2025/BTNMT (cột B)
1	pH	-	6 - 9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD_5 (20^0C)	mg/l	≤ 60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80
4	Nhu cầu oxy hoá học COD	mg/l	≤ 90

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2025/BTNMT (cột B)
5	Sắt (Fe)	mg/l	≤ 10
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺), (tính theo N)	mg/l	≤ 10
7	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 40
8	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 6
9	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5
10	Chloroform (CHCl ₃)	mg/l	$\leq 0,8$
11	Clo dư	mg/l	≤ 2
12	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	≤ 5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

+ Đối với nước thải xám: Được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

+ Đối với nước thải đen: Được thu gom xử lý qua bể tự hoại, sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

+ Đối với nước thải rửa xe và vệ sinh sàn nhà xưởng: Được thu gom xử lý qua bể tách dầu, sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lọc màng MBR → Hồ ga → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột B) trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Bicar, NaOH, Chlorine, PAC.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung thực hiện vận hành và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước; Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải sẽ được bơm ngược về bể điều hoà để lưu chứa trong thời gian khắc phục, sửa chữa. Sau khi khắc phục sự cố sẽ bơm toàn bộ nước thải trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiến hành xử lý đảm bảo quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Vận hành thử nghiệm dự kiến từ tháng 06/2026 đến tháng 11/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải.
- Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Việc quan trắc nước thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp,

phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động của Dự án đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường có liên quan.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử nước thải để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý khi gặp sự cố.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đều được thu gom, xử lý đáp ứng quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành; thu gom nước mưa chảy tràn khu vực dự án, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **248** /GPMT-UBND
ngày **31** tháng **12** năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Khu vực buồng sơn nhanh 01;
- Nguồn số 2: Khu vực buồng sơn nhanh 02;
- Nguồn số 3: Khu vực buồng sơn sấy.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 1 (Nguồn số 1): tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của buồng sơn nhanh 01. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0): $X(m) = 1\ 929\ 822,94$; $Y(m) = 566\ 578,56$.
- Dòng khí thải số 2 (Nguồn số 2): tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của buồng sơn nhanh 02. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0): $X(m) = 1\ 929\ 822,95$; $Y(m) = 566\ 581,86$.
- Dòng khí thải số 3 (Nguồn số 3): tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của buồng sơn sấy. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0): $X(m) = 1\ 929\ 822,96$; $Y(m) = 566\ 584,40$.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $44.000\ m^3$ /giờ; trong đó:

- Dòng khí thải số 1: $10.000\ m^3$ /giờ;
- Dòng khí thải số 2: $10.000\ m^3$ /giờ;
- Dòng khí thải số 3: $24.000\ m^3$ /giờ;

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục trong quá trình hoạt động

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Bảng 1, Bảng 2, cột A), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2024/BTNMT (Cột A)
1	SO ₂	mg/Nm ³	≤200
2	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử:	mg/Nm ³	≤50

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2024/BTNMT (Cột A)
	Benzen, Toluene, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)		
3	NO ₂	mg/Nm ³	≤250
4	CO	mg/Nm ³	≤300
5	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤30
6	Độ khói	Giá trị Ringelmann	≤2

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Xây dựng hệ thống buồng sơn thu gom, xử lý bụi, khí thải.
- + 02 buồng sơn nhanh
- + 01 buồng sơn sấy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình hệ thống xử lý bụi, khí thải tại buồng sơn: Khí thải → Màn lọc bông thủy tinh → Quạt hút → Ống dẫn khí → Ống thoát khí ra môi trường → Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT (cột A) trước khi thoát ra môi trường.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Thường xuyên kiểm tra quá trình thu gom bụi, khí thải của các đường ống dẫn khí nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ bụi, khí thải.
- Cán bộ vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải phải là cán bộ được đào tạo chuyên ngành kỹ thuật môi trường.
- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.
- Khi quạt hút - lọc khí bị hư hỏng: Ngừng ngay việc phun sơn, tắt súng phun, tắt máy nén khí và mở chế độ thông gió tự nhiên. Công nhân phải rời khỏi buồng sơn, tránh hít VOC. Kỹ thuật viên kiểm tra quạt: Kiểm tra motor, CB, dây curoa, bạc đạn; thay vật tư hư hỏng. Chỉ vận hành lại khi hoàn thiện việc sửa chữa và đo nồng độ VOC đảm bảo quy chuẩn theo quy định.

- Khi rò rỉ khí thải tại đường ống: Tắt hệ thống sơn, giữ quạt hút chạy ở chế độ thấp để tránh tích tụ dung môi, xác định vị trí rò rỉ tạm thời bằng gioăng cao su/keo chịu nhiệt, kịp thời khắc phục, sửa chữa sự cố. Nếu sự cố rò rỉ lớn thì dừng hoàn toàn hoạt động và khóa điện. Thay đoạn ống, gioăng hoặc mặt bích hư hỏng trong vòng 24 giờ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Vận hành thử nghiệm dự kiến từ tháng 06/2026 đến tháng 11/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải buồng sơn nhanh 01, hệ thống xử lý khí thải buồng sơn nhanh 02, hệ thống xử lý khí thải buồng sơn sấy.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 03 vị trí

- Tại ống thoát khí thải sau HTXL khí thải buồng sơn nhanh 01.

- Tại ống thoát khí thải sau HTXL khí thải buồng sơn nhanh 02.

- Tại ống thoát khí thải sau HTXL khí thải buồng sơn sấy.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng bụi, khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại thông tư 07/2025/TT-BTNMT. Việc quan trắc bụi, khí thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **248** /GPMT-UBND
 ngày **31** tháng **12** năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Từ hệ thống máy nâng cầu, máy nâng ô tô đưa vào sửa chữa, bảo dưỡng tại showroom.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- 01 Vị trí tại khu vực hệ thống máy cầu, máy nâng. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106⁰, múi chiều 3⁰): X(m) = 1 929 834,49; Y (m) = 566 591,16.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Khoảng thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (6h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	50	45	40	-	Khu vực A

3.2. Độ rung:

TT	Khoảng thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (6h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	60	55	-	Khu vực A

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết; đồng thời, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **248** /GPMT-UBND
ngày **31** tháng **12** năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Dầu phanh thải	15 01 07	800
2	Bộ ắc quy chì thải	19 06 01	550
3	Lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	12
4	Linh kiện điện tử thải	15 01 09	5
5	Các thiết bị, bộ phận đã qua sử dụng có khả năng nổ (túi khí,..)	15 01 05	10
6	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	5
7	Xăng dầu thải	17 06 02	10
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng phuy sắt, hộp sơn thải,..)	18 01 02	20
2	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay, vải bảo vệ nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	30
3	Hộp mực in thải	08 02 04	5
4	Bao bì cứng bằng nhựa (chai, hộp đựng dầu nhớt, mỡ bôi trơn các loại, hộp keo thải,...)	18 01 03	30

5	Son, cặn sơn thải có dung môi hữu cơ	08 01 01	2
6	Chất thải từ quá trình bóc tách sơn	08 01 03	1
7	Má phanh thải có chứa aminang	15 01 06	8
8	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (composit,...)	18 01 04	2
9	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (giấy ráp thải,...)	07 03 10	5

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Sắt vụn, mặt kim loại	8
2	Săm, lốp ô tô	10
3	Phụ tùng thải (bằng sắt)	50
4	Mút, da, xốp	20
5	Đồ nhựa cũ, hỏng	20

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh: Khoảng 84 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng phuy có nắp đậy, dung tích khoảng 100-250lít, dán nhãn theo quy định.

- Kho/khu vực lưu chứa:

+ Diện tích 8m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho có nền xi măng, có cửa đóng kín, tường bao kiên cố, bên ngoài có lắp biển cảnh báo nguy hại. Tại nhà kho, trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng có nắp đậy có dung tích 80l
- Kho/khu vực lưu chứa: Diện tích 4m²
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng rác có nắp đậy, dung tích khoảng 5-250 lít.
- Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải; thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định liên quan.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng, thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **248** /GPMT-UBND
ngày **31** tháng **12** năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.
4. Chất thải phải được phân loại, thu gom và hợp đồng chuyển giao xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường và theo đúng quy định.
5. Phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của cơ sở; đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường do hoạt động của dự án.
6. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định hiện hành.
7. Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan theo đúng quy định của pháp luật.
8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.